

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NAM PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NAM PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM PHONG CONSULTING CONSTRUCTION WORKS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAM PHONG CONSULTING CONSTRUCTION WORKS.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301151327

**3. Ngày thành lập:** 12/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Hai Vân, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0826 126262

Fax:

Email: [Namphong1.bn@gmail.com](mailto:Namphong1.bn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223     |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229     |
| 8.  | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291     |
| 9.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292     |
| 10. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293     |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299     |
| 12. | Phá dỡ                                                                | 4311     |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                    | 4610     |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                   | 4651     |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                    | 4652     |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                       | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 24. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4730        |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4752        |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4759        |
| 27. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn thiết kế xây dựng; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; thiết kế công trình thủy lợi, thiết kế công trình điện. - Lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi, tư vấn đấu thầu, thẩm tra thiết kế dự toán, thẩm định các công trình. - Tư vấn giám sát chất lượng các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình điện, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp. - Tư vấn quản lý dự án. - Khảo sát địa hình, địa chất, tư vấn quan trắc lún. - Tư vấn lập dự án các gói thầu thiết bị, giám sát lắp đặt thiết bị. | 7110(Chính) |
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn thẩm tra thẩm định, phân tích dự án<br>- Tư vấn kiểm định chất lượng công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710        |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7730        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299        |
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663        |
| 33. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN SÁNG | Thôn Bái Trang, Xã Quỳnh Hoa, Huyện Quỳnh Phú, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 110.000    | 1.100.000.000         | 55,000    | 034087010348                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 110.000    | 1.100.000.000         | 55,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ CÔNG VŨ      | Thôn Gia Phú, Xã Bình Dương, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    | 125126635                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |           |                                                                                     |                                    |        |             |       |           |
|---|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|-------|-----------|
| 3 | VŨ THỊ XÊ | Thôn Bái Trang,<br>Xã Quỳnh Hoa,<br>Huyện Quỳnh<br>Phụ, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 5,000 | 150550413 |
|   |           |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |           |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |           |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |           |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |           |                                                                                     | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 5,000 |           |
|   |           |                                                                                     |                                    |        |             |       |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN SÁNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034087010348

Ngày cấp: 21/02/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bái Trang, Xã Quỳnh Hoa, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu Tiên Ngoại, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh